

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số: 2773 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 21 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-TTHĐND ngày 29/3/2024 của HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh năm 2024;

Sau khi xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên với nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13, Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Giáo dục, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 22/8/2021 Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với

các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

2. Cơ sở thực tiễn

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 22/8/2021 trước khi Chính phủ ban hành Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 nên chưa quy định cơ chế quản lý thu chi, chưa quy định một số khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; có khoản thu, mức thu đã quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND nhưng hiện nay không còn phù hợp.

Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên thay thế Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 22/8/2021 của HĐND tỉnh là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên nhằm cụ thể hoá điểm b điểm c khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; đáp ứng nhu cầu người học và yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của các cơ sở giáo dục; ngăn ngừa tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm

Xây dựng Nghị quyết Quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên đảm bảo tính kịp thời, thống nhất, tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan về các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và phù hợp với đặc điểm, tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh Điện Biên.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 113/NQ-TTHĐND ngày 29/3/2024 của Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh năm 2024, UBND tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu dự thảo Nghị quyết.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo đã lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của

tỉnh để các cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân góp ý kiến. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nhận được 27 ý kiến tham gia của các đơn vị, trong đó có 15 đơn vị nhất trí với nội dung dự thảo và 12 đơn vị có ý kiến góp ý. Sau khi tổng hợp các ý kiến tham gia, giải trình tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã gửi Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh để phản biện xã hội, Sở Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, cơ quan soạn thảo đã giải trình, tiếp thu chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. **Bố cục:** Dự thảo Nghị quyết gồm 5 điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;
- Điều 2. Danh mục các khoản thu và mức thu;
- Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi;
- Điều 4. Tổ chức thực hiện;
- Điều 5. Hiệu lực thi hành.

2. **Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục công lập).

b) Đối tượng áp dụng: Trẻ em mầm non, học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục công lập; học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là học sinh); các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Không áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư; cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên.

c) Danh mục các khoản thu, mức thu

TT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa đối với từng cấp học (ĐVT: VNĐ)				Thời gian thu (theo thời gian thực học)
			Mầm non	Tiểu học	THCS; GDTX cấp THCS	THPT; GDTX cấp THPT	
1	Dịch vụ ăn bán trú						

a	Bữa chính	Bữa/Học sinh	20.000	25.000	30.000		Theo tháng
b	Bữa phụ	Bữa/Học sinh	10.000				Theo tháng
2	Dịch vụ trông trưa	Buổi/Học sinh	5.000	5.000			Theo tháng
3	Dịch vụ chăm sóc trẻ trong các ngày nghỉ, ngày nghỉ hè	Ngày/học sinh	35.000				Theo tháng
4	Dịch vụ dọn vệ sinh	Năm học/Học sinh	90.000	90.000	90.000	90.000	Theo học kỳ
5	Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ chính khoá	Giờ/Học sinh	5.000	5.000			Theo tháng
6	Dịch vụ tổ chức thi thử tuyển sinh, tốt nghiệp	Môn/Học sinh			10.000	10.000	Theo đợt
7	Dịch vụ quản lý trẻ em, học sinh khi tham gia hoạt động ngoại khóa, tham quan	Ngày/Học sinh	12.000	10.000	8.000	7.000	Theo đợt
8	Dịch vụ sử dụng máy điều hòa	Tháng/học sinh	30.000	26.000	23.000	22.000	Theo tháng

(Trong 08 khoản thu trên có 04 khoản thu đã được quy định tại Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND nay có điều chỉnh, 04 khoản thu quy định mới)

Luận giải:

Dịch vụ ăn bán trú: Là dịch vụ cung cấp bữa ăn cho học sinh có nhu cầu ăn tại cơ sở giáo dục công lập. Mức thu được điều chỉnh tăng thêm 5.000 đồng/bữa (tăng khoảng 17% - 25%) so với Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND.

Mức thu tăng để phù hợp với mức tăng chỉ số giá tiêu dùng (từ tháng 7/2021 đến tháng 5/2024 tăng 9,81%), phù hợp với mức tăng thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Điện Biên (từ 34,96 triệu đồng năm 2021 lên 42,98 triệu đồng năm 2023, tương đương tăng 19%). Đồng thời, mức tăng cũng để đảm bảo tương đương với các tỉnh có điều kiện tương đồng như Lai Châu 20.000 đồng; Lào Cai 25.000-30.000 đồng; Sơn La 28.000 đồng. (Các tỉnh này đều quy định riêng tiền thuê nhân viên nấu ăn và tiền mua sắm thiết bị phục vụ tổ chức ăn bán trú).

Dịch vụ trông trưa: Là dịch vụ quản lý trẻ mầm non trong giờ ngủ trưa; quản lý học sinh phổ thông ăn trưa, ngủ trưa từ thời điểm kết thúc ca học buổi sáng đến trước khi bắt đầu ca học buổi chiều. Các công việc của dịch vụ trông trưa không nằm trong quy định giáo viên phải thực hiện. Dịch vụ trông trưa nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của cha mẹ học sinh mong muốn nhà trường quản lý, cho học sinh ăn ngủ trong thời gian buổi trưa. Mức thu giữ nguyên mức thu

tối đa đã được quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND.

Theo báo cáo của các cơ sở giáo dục công lập, mức thu dịch vụ trông trưa là phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế; đồng thời mức thu cũng tương đương mức thu tại các tỉnh có điều kiện tương đồng như Lai Châu 4.000 đồng, Lào Cai 8.000 đồng, Hà Giang 11.000 đồng,...

Dịch vụ chăm sóc trẻ trong các ngày nghỉ, ngày nghỉ hè: Là dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non trong thời gian cán bộ quản lý, giáo viên trường mầm non công lập đó được nghỉ theo quy định (ngày thứ 7, ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, nghỉ hè). Mức thu giữ nguyên mức thu tối đa đã được quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND là 35.000 đồng/ngày/học sinh.

Theo báo cáo của các cơ sở giáo dục công lập, mức thu Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non trong các ngày nghỉ, ngày nghỉ hè là phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế; tương đương mức thu tại các tỉnh có điều kiện tương đồng như Sơn La 35.000đồng, Lào Cai 32.000 đồng, Hà Giang 48.000 đồng,...

Dịch vụ dọn vệ sinh: Là dịch vụ thực hiện quét, dọn, rửa,... toàn bộ khuôn viên cơ sở giáo dục đảm bảo môi trường học đường sạch sẽ hằng ngày (bao gồm thuê người dọn vệ sinh và mua giấy vệ sinh, hóa chất tẩy rửa, dụng cụ quét dọn vệ sinh, nước rửa tay, nước sử dụng cho khu vệ sinh,...). Mức thu: Giữ nguyên mức thu tối đa đã được quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND là 90.000 đồng/năm học/học sinh.

Theo báo cáo của các cơ sở giáo dục công lập, mức thu Dịch vụ dọn vệ sinh là phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế; tương đương mức thu tại các tỉnh có điều kiện tương đồng như Lai Châu 108.000 đồng, Sơn La 135.000đồng,...

Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ chính khoá: Là dịch vụ quản lý trẻ em mầm non, học sinh tiểu học trong trường ngoài giờ chính khoá (trước mỗi buổi học và sau khi tan học đối với học sinh tiểu học; đón trẻ sớm và trả trẻ muộn so với thời gian trong chế độ sinh hoạt của trẻ mầm non ở trường), tối đa 02 giờ/ngày; không áp dụng với trường hợp trông trẻ trong giờ ngủ trưa. Mức thu 5.000 đồng/giờ/trẻ mầm non và 5.000 đồng/giờ/học sinh tiểu học.

Căn cứ tính toán mức thu theo phương pháp chi phí quy định tại khoản 1 Điều 10 và Điều 11, Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ (Trong quá trình tính toán đã lược bỏ yếu tố lợi nhuận). Chi phí thực hiện dịch vụ là tiền lương giờ làm việc trung bình của giáo viên. Mức lương của giáo viên mầm non và tiểu học trung bình là 282.000/ngày, tương đương 35.000 đồng/giờ, làm ngoài giờ tính 150% là 52.500 đồng/giờ. Mức thu 5.000 đồng/giờ/trẻ mầm non và 5.000 đồng/giờ/học sinh tiểu học. Mức thu trên tương đương mức thu tại các tỉnh đã quy định như Sơn La 5.000 đồng, Thái Nguyên 5.000 đồng.

Dịch vụ tổ chức thi thử tuyển sinh, tốt nghiệp: Là dịch vụ tổ chức cho học sinh tham gia các kỳ thi thử có hình thức, nội dung tương tự như các kỳ thi chính thức (thi tuyển sinh vào lớp 10 gồm 03 môn: Toán, Văn, Ngoại ngữ; thi tốt nghiệp THPT lớp 12 gồm 04 môn: Toán, Văn, Ngoại ngữ, Tổ hợp KHTX

hoặc KHXH). Các đợt thi thử không có trong quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không phải là nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục. Mục đích là rèn kỹ năng làm bài thi cho học sinh, phân loại học sinh để các cơ sở giáo dục có giải pháp ôn luyện, bồi dưỡng phù hợp với từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao kết quả trong kỳ thi chính thức. Mức thu 10.000 đồng/môn/học sinh. Tổ chức thi thử tốt nghiệp THPT 04 đợt/năm học; thi thử tuyển sinh 02 đợt/năm học. Tương đương 30.000 đồng/học sinh lớp 9/đợt, 40.000 đồng/học sinh lớp 12/đợt; theo năm học là 60.000 đồng/học sinh lớp 9/năm học, 160.000 đồng/học sinh lớp 12/năm học.

Chi phí thực hiện dịch vụ áp dụng bằng 30% mức tiền công quy định tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Điện Biên ngày 08/7/2022 quy định nội dung, mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Kinh phí được tính toán trên cơ sở dự toán chi cho 01 môn thi trong 01 đợt thi thử trung bình có 5 phòng thi (200 thí sinh) gồm: 01 Chủ tịch hội đồng coi thi, 01 phó chủ tịch hội đồng coi thi, 01 thư ký, 2 giáo viên ra đề thi, 02 giáo viên sao in đề thi, 12 giám thị coi thi, 04 giáo viên chấm thi, 02 nhân viên phục vụ và văn phòng phẩm phục vụ thi.

Dịch vụ quản lý trẻ em, học sinh khi tham gia hoạt động ngoại khóa, tham quan: Là dịch vụ tổ chức, quản lý học sinh của cơ sở giáo dục công lập trong quá trình học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa, tham quan ngoài cơ sở giáo dục; không trùng với thời gian học chính khóa của học sinh. Công việc quản lý trẻ em, học sinh khi tham gia hoạt động ngoại khóa, tham quan không nằm trong quy định giáo viên phải thực hiện nhưng đáp ứng nhu cầu của học sinh muốn tham gia hoạt động ngoại khóa, tham quan ngoài cơ sở giáo dục trong các ngày nghỉ.

Đối với tiền ăn, ở, đi lại, vé tham quan,... phát sinh trong khi tổ chức ngoại khóa, tham quan thực hiện thu theo phiếu chi, hóa đơn, chứng từ,... thực tế. Mức thu 12.000 đồng/ngày/học sinh mầm non; 10.000 đồng/ngày/học sinh tiểu học; 8.000 đồng/ngày/học sinh THCS; 7.000 đồng/ngày/học sinh THPT.

Căn cứ tính toán mức thu theo phương pháp chi phí quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTC (Trong quá trình tính toán đã lược bỏ yếu tố lợi nhuận). Mức lương của giáo viên trung bình là 282.000/ngày. Do đó, mức thu tối đa là mức lương giáo viên trung bình chia cho số học sinh trung bình cần quản lý khi tổ chức ngoại khóa tham quan theo từng cấp học (Trên địa bàn tỉnh Điện Biên, mỗi lớp mầm non trung bình có 23 học sinh. Mỗi lớp tiểu học trung bình có 27 học sinh. Mỗi lớp THCS trung bình có 36 học sinh. Mỗi lớp THPT trung bình có 39 học sinh).

Dịch vụ sử dụng máy điều hòa: Là dịch vụ làm mát vào mùa hè và làm ấm vào mùa đông bằng máy điều hòa (nếu cơ sở giáo dục có máy điều hòa). Mức thu 30.000 đồng/tháng/học sinh mầm non; 26.000 đồng/tháng/học sinh tiểu học; 23.000 đồng/tháng/học sinh THCS; 22.000 đồng/tháng/học sinh THPT.

Căn cứ tính toán mức thu theo phương pháp chi phí quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTC (Trong quá trình tính toán đã lược bỏ yếu tố lợi nhuận). Chi phí đầu vào gồm tiền điện (theo mức giá áp dụng cho trường học) để phục vụ cho 01 phòng học có 02 máy điều hòa

(1.800BTU) lắp cho 01 phòng học, sử dụng trung bình mỗi ngày 3 tiếng, mỗi tuần 5-6 ngày; tiền bảo dưỡng cho 2 máy điều hòa 2 lần/năm chia cho số học sinh trung bình mỗi lớp theo từng cấp học.

Dịch vụ cung cấp nước uống quy định trong Nghị quyết 03/2021/NQQ-HĐND nhưng do không còn phù hợp với Luật giá nên đề nghị đưa ra khỏi quy định. Cụ thể: Theo khoản 2 Điều 4 Luật Giá số 16/2023/QH15 thì "Dịch vụ là hàng hóa có tính vô hình, quá trình sản xuất và tiêu dùng không thể tách rời nhau". Do đó, khi mua sắm, cung cấp tài sản hữu hình (nước uống) cho học sinh không được coi là dịch vụ.

(Có biểu thuyết minh chi tiết kèm theo)

d) Cơ chế quản lý thu, chi

- Thực hiện thu:

Mức thu đối với từng khoản thu quy định tại Điều 2 Nghị quyết này là mức thu tối đa. Các cơ sở giáo dục công lập căn cứ mức chi thực tế xác định mức thu cụ thể bảo đảm bù chi, không lợi nhuận, không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 2 Nghị quyết này; đồng thời quy định chế độ miễn, giảm phù hợp đối với học sinh thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

Luận giải: Quy định cơ chế thu như trên để đảm bảo các cơ sở giáo dục chủ động xây dựng mức thu phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế, quan tâm tới các đối tượng học sinh chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Khi dự toán các khoản thu đối với những nội dung đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải giảm trừ số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của cơ sở giáo dục công lập. Cơ sở giáo dục công lập quản lý, hạch toán các khoản thu chi trong hệ thống sổ sách kế toán theo quy định.

Luận giải: Quy định trên là cơ sở để các trường mầm non được phép thu tiền bổ sung bữa ăn cho trẻ mẫu giáo (trẻ mẫu giáo được hưởng chính sách hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP với mức 160.000 đồng/tháng, tương đương 8.000đ/ngày là không thể tổ chức bữa ăn đủ dinh dưỡng cho học sinh); các cơ sở giáo dục được các tổ chức, doanh nghiệp tài trợ một phần bữa ăn bán trú có căn cứ hạch toán kinh phí. Các trường hợp trên phải thực hiện giảm trừ số kinh phí đã được bố trí trong dự toán chi để tính toán mức thu.

Các khoản thu phải được thỏa thuận bằng văn bản với cha mẹ học sinh trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của hội đồng giáo dục nhà trường và phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (UBND cấp huyện hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý) trước khi ban hành.

- Thực hiện chi:

Thực hiện chi đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ; phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán; mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ,

chính xác chi phí đối với từng hoạt động; phải đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Cơ sở giáo dục công lập thực hiện công khai việc thu, chi các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản hiện hành.

Luận giải: Căn cứ quy định thực hiện chi quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản hiện hành.

- Trường hợp có chênh lệch thu nhỏ hơn chi, cơ sở giáo dục phải tính toán bù đắp khoản thiếu hụt bằng các nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bù. Trường hợp cuối năm học chi không hết cơ sở giáo dục phải trả lại cho cha mẹ học sinh hoặc chuyển sang năm học sau nếu được sự đồng ý của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Luận giải: Căn cứ quy định xử lý khi có chênh lệch thu chi theo khoản 4 Điều 6 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP đảm bảo không ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước khi thực hiện các khoản thu dịch vụ hỗ trợ giáo dục.

V. DANH MỤC TÀI LIỆU KÈM THEO

- (1) Tờ trình của Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị UBND tỉnh ban hành nghị quyết.
- (2) Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; Nghị quyết của HĐND tỉnh.
- (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
- (4) Văn bản tham gia ý kiến của các sở, ngành, địa phương liên quan.
- (5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là nội dung đề nghị ban hành Nghị quyết quy định Danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Dân tộc - HĐND tỉnh;
- Ban Văn hóa xã hội - HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tư Pháp, Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, TH, KGVX^(VVD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

Phụ lục

CĂN CỨ TÍNH TOÁN MỨC THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Tờ trình số 2773 /TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh)



TT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Cấp học	Các yếu tố cấu thành chi phí	Tiền công	Chi phí chung	Chi phí 1 theo 1 đơn vị tính	Chi phí 1 tháng	Ghi chú
1	Dịch vụ ăn bán trú	đồng /bữa /HS	Mầm non	Mức thu = (15.000 đồng (mức thu cũ) x 9,8% (mức tăng chỉ số giá tiêu dùng x (15.000 đồng (mức thu cũ) x 19% (mức tăng thu nhập))+15.000)			19.320		Làm tròn 20.000 đồng/bữa
		đồng /bữa /HS	Tiểu học	Mức thu = (20.000 đồng (mức thu cũ) x 9,8% (mức tăng chỉ số giá tiêu dùng x (20.000 đồng (mức thu cũ) x 19% (mức tăng thu nhập))+20.000)			25.760		Làm tròn 25.000 đồng/bữa
		đồng /bữa /HS	THCS	Mức thu = (25.000 đồng (mức thu cũ) x 9,8% (mức tăng chỉ số giá tiêu dùng x (25.000 đồng (mức thu cũ) x 19% (mức tăng thu nhập))+25.000)			32.200		Làm tròn 30.000 đồng/bữa
2	Dịch vụ trông trưa	đồng /buổi /HS	MN, TH	Giữ nguyên như mức thu tại Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND			5.000		Làm tròn 50.000 đồng/buổi
3	Dịch vụ chăm sóc trẻ trong các ngày nghỉ, ngày nghỉ hè	đồng /ngày /HS	MN	Giữ nguyên như mức thu tại Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND			35.000		Làm tròn 35.000 đồng/ngày

TT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Cấp học	Các yếu tố cấu thành chi phí	Tiền công	Chi phí chung	Chi phí 1 theo 1 đơn vị tính	Chi phí 1 tháng	Ghi chú
4	Dịch vụ dọn vệ sinh	đồng /ngày /HS	MN, TH, THCS, THPT	Giữ nguyên như mức thu tại Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND			90.000		Làm tròn 90.000 đồng /ngày
*	<i>Dịch vụ cung cấp nước uống</i>		MN, TH, THCS, THPT	<i>Không phải là dịch vụ theo quy định của Luật Giá</i>					<i>Không quy định</i>
5	Dịch vụ trông trẻ, học sinh ngoài giờ chính khoá	đồng /giờ /HS	Mầm non	Lương giáo viên làm ngoài giờ trung bình 52.500 đồng/giờ. Tính cả chi phí quản lý và cơ sở vật chất 25% là 70.000 đồng/giờ Mỗi cô giáo quản lý 14 trẻ mầm non. Do đó, mức thu bù đắp là: $(52.500 + (52.500 \times 25\%)) / 14 = 5.000$	52.500	70.000	4.687		Làm tròn 5.000 đồng/giờ
		đồng /giờ /HS	Tiểu học	Lương giáo viên làm ngoài giờ trung bình 52.500 đồng/giờ. Tính cả chi phí quản lý và cơ sở vật chất 25% là 70.000 đồng/giờ Mỗi cô giáo quản lý 14 học sinh tiểu học. Do đó, mức thu bù đắp là: $52.500 + (52.500 \times 25\%) / 14$	52.500	70.000	4.687		Làm tròn 5.000 đồng/giờ

TT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Cấp học	Các yếu tố cấu thành chi phí	Tiền công	Chi phí chung	Chi phí 1 theo 1 đơn vị tính	Chi phí 1 tháng	Ghi chú
6	Dịch vụ tổ chức thi thử tuyển sinh, tốt nghiệp		THCS, THPT	Áp dụng mức chi bằng 30% mức chi quy định tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Điện Biên. Một môn thi trung bình có 5 phòng thi (200 thí sinh) cần: 01 Chủ tịch hội đồng coi thi, 01 phó chủ tịch hội đồng coi thi, 01 thư ký, 2 giáo viên ra đề thi, 02 giáo viên sao in đề thi, 12 giám thị coi thi, 04 giáo viên chấm thi, 02 nhân viên phục vụ, văn phòng phẩm tương ứng.		6.220.000	10.583		Làm tròn mỗi môn 10.000đ
7	Dịch vụ quản lý học sinh khi tham gia hoạt động ngoại khóa, tham quan		Mầm non	Mỗi lớp trung bình 23 học sinh. Mỗi ngày đi ngoại khóa cần 1 giáo viên quản lý học sinh. Lương GV trung bình 282.000/ngày. Mức thu là 282.000/23	282.000		12.261		Làm tròn mỗi ngày 12.000đ
			TH	Mỗi lớp trung bình 27 học sinh. Mỗi ngày đi ngoại khóa cần 1 giáo viên quản lý học sinh. Lương GV trung bình 282.000/ngày. Mức thu là 282.000/27	282.000		10.444		Làm tròn mỗi ngày 10.000đ
			THCS	Mỗi lớp trung bình 36 học sinh. Mỗi ngày đi ngoại khóa cần 1 giáo viên quản lý học sinh. Lương GV trung bình 282.000/ngày. Mức thu là 282.000/36	282.000		7.833		Làm tròn mỗi ngày 8.000đ

TT	Các khoản thu	Đơn vị tính	Cấp học	Các yếu tố cấu thành chi phí	Tiền công	Chi phí chung	Chi phí 1 theo 1 đơn vị tính	Chi phí 1 tháng	Ghi chú
			THPT	Mỗi lớp trung bình 39 học sinh. Mỗi ngày đi ngoại khóa cần 1 giáo viên quản lý học sinh. Lương GV trung bình 282.000/ngày. Mức thu là 282.000/39	282.000		7.231		Làm tròn mỗi ngày 7.000đ
8	Dịch vụ sử dụng máy điều hòa		Mầm non	Mỗi lớp có 23 trẻ, sử dụng 02 máy điều hòa 1 chiều công suất 1.800BTU (tương đương 1,7kWh). Sử dụng trung bình mỗi ngày 3 tiếng, mỗi tuần 5 ngày.			1.397	30.360	Làm tròn: 30.000 đồng/tháng
			Tiểu học	Mỗi lớp có 27 học sinh sử dụng 02 máy điều hòa 1 chiều công suất 1.800BTU (tương đương 1,7kWh). Sử dụng trung bình mỗi ngày 3 tiếng, mỗi tuần 5 ngày.			1.190	25.862	Làm tròn: 26.000 đồng/tháng
			THCS	Mỗi lớp có 36 học sinh sử dụng 02 máy điều hòa 1 chiều công suất 1.800BTU (tương đương 1,7kWh). Sử dụng trung bình mỗi ngày 3 tiếng, mỗi tuần 6 ngày.			893	23.276	Làm tròn: 23.000 đồng/tháng
			THPT	Mỗi lớp có 39 học sinh sử dụng 02 máy điều hòa 1 chiều công suất 1.800BTU (tương đương 1,7kWh). Sử dụng trung bình mỗi ngày 3 tiếng, mỗi tuần 6 ngày.			824	21.486	Làm tròn: 22.000 đồng/tháng